

THẦN HỌC LUÂN LÝ CỦA THÁNH AN-PHONG ĐỆ LIGÔRIA

Dịch thuật : Lm Dominic Trần Quốc Bảo, DCCT

(tiếp theo kỳ trước)

“NHỮNG BẬC ĐẠI HIỀN NHÂN”

Dường như ta thấy nơi An-phong có nhiều mâu thuẫn chẳng? Trong năm thứ hai chủng viện (1724), ngài đã trở nên thành viên của hiệp hội tông đồ *Những Người Nói Tiếng*. Mỗi năm ngài đi giảng vài kỳ với hiệp hội này, và làm việc gần gũi với Tornì, không phải bằng lý thuyết sách vở mà qua sinh hoạt trong các kỳ giảng phòng. Chưa là linh mục, vị thừa sai trẻ đã thuyết giảng cho đại chúng và dạy giáo lý cho trẻ em. Dĩ nhiên, ngài không giải tội. Do đó, ngài thật thà “bảo vệ giáo thuyết nghiêm khắc cách hăng say”. Nhưng rồi, qua các thắc mắc và trao đổi, hẳn nhiên ngài đã nhận ra rằng những xác tín trí thức của ông thầy Tornì bị mềm ra, dịu lại, khi tiếp cận với những con người thực tế bằng xương thịt.

An-phong nhận sứ vụ phó tế ngày 6-4-1726. Đức Tổng giám mục liền ủy thác cho vị cựu luật sư nhiệm vụ thuyết giảng trong toàn địa phận thủ đô. Các tín hữu sang trọng tại Nêapôli cũng như mọi kẻ tất bật (du thủ, hành khất) trong các khu xóm, đường phố mà sau này ngài sẽ đem Tin mừng đến, đều thán phục các bài giảng của ngài. Họ bắt đầu nô nức đợi chờ để được xưng tội với ngài. Sau khi thụ phong linh mục ngày 21-12-1726, lẽ ra ngài đã có thể tiếp đón họ vào tòa giải tội...nhưng điều ấy đã không xảy ra. Vị tân linh mục không thể ngồi vào tòa giải trong suốt một năm. Phải chăng đó là vì Đức Tổng giám mục chậm ban năng quyền cho ngài? Không, trái lại: chính An-phong từ chối ngồi vào tòa giải mà ngài biết rằng (bị buộc) phải hà khắc hơn là khoan dung.

Với khuynh hướng bối rối cá nhân, An-phong đã không vội ban phát ơn xá giải cách dễ dàng, nhưng càng không vội khước từ ơn ấy nhân danh giáo điều mà trong thời chủng sinh ngài đã cực lực bảo vệ. Đức hồng y Pignatelli phải ra văn thư nhắc nhở ngài về đức vâng phục, nhằm thúc dục ngài khởi sự sứ vụ giải tội. Mãi đến một năm sau, vào tháng 12 năm 1727, An-phong mới đi dự cuộc sát hạch trước

hội đồng địa phận để lãnh năng quyền đó. Thế rồi Đức Tổng giám mục vôi vãi ban cho ngài năng quyền giải tội cho mọi tầng lớp hỡi nhân trong khắp giáo phận. Ngài run rẩy khi bước vào tòa cáo giải, sợ rằng bị xâu xé bởi hai tròng lồi kéo ngược chiều: một tròng là giáo điều hà khắc, và tròng kia là biểu tượng cho lòng từ ái của Chúa Kitô, Đấng đã hy sinh chịu chết cho tội nhân. Điều tuyệt vời nhất nơi vị linh mục trẻ (bị chi phối bởi) theo thuyết đại-xác-xuất này là ngài đã không hề bao giờ chối từ ơn xá giải cho ai. Nhưng cái giá ngài phải trả là rất nhiều buổi cầu nguyện và những bài huấn đức bóng gió.¹ Và trong tâm hồn phải chịu những u uẩn hãi hùng cùng những trần trở kinh khủng của ngài, một ngày kia, ánh sáng đã bùng chói, xuyên suốt.

Cho đến đây, ta đã thấy vấn đề cha Torni phức tạp hơn; tuy nhiên, yếu tố ấy giúp ta càng hiểu rõ về An-phong. Trong ba bài luận án đã được xuất bản các năm 1749, 1755 và 1762, bằng những lời văn hầu như đồng dạng, cha An-phong đã tuyên bố điều xem ra có vẻ lạ lùng về khoảng thời gian sau khi ngài hoàn tất các khoá học ở chủng viện:

Tiếp theo, sau khi tôi đã dấn thân vào việc tông đồ thừa sai, tôi nhận thức rằng, giáo thuyết khoan dung được ứng dụng bởi nhiều vị khôn ngoan và nhân đức, trước hết là thầy của tôi, giáo sư trứ danh và thông thái Giulio Torni.²

Như vậy, chẳng lẽ Torni giả hình? Còn tu sĩ Dòng Oratoriô là Tôma Pagano, cha linh hồn của An-phong từ thời thiếu niên thì sao? Còn ông bạn Kinh sĩ Giuseppe Iorio của một Dòng địa phận được thành lập bởi cha Dòng Tên Pavone? Rồi cha Tôma Falcoia, cựu Bề trên Cả của *Hội Dòng Lao công Đạo đức*? Và cha Dòng Đa-minh Ludovico Fiorillo, con người thông thái của Chúa? Còn các bạn đồng chí hướng của An-phong lúc đầu như Giovanni Mazzini, Cesare Sportelli, Paolo Cafaro? Và ngay cả sau này, linh mục trẻ và trí thức Dòng Basiliô là Giuseppe Muscari mà sẽ có hồi gây khó cho An-phong? Ta không thể không nói đến những người đó và nhiều hiền nhân khác nữa.

Thật ra, tất cả mọi nhân vật trên không giả hình. Đúng hơn, họ là những người giữ những vai trò khác nhau trong những hoàn cảnh khác biệt. Như được biết, vai trò của người thuyết giảng là một chuyện; vai trò của cha giải tội là một

¹ A. TANNIOIA, I, tr. 39.

² *Luận án Thứ Tư*, Marietti ấn hành, Turin 1829, các tr. 69-70, 231-232, 345-346. TANNIOIA, I, tr. 39.

chuyện hoàn toàn khác. Vị thừa sai là ‘một sư tử trên bục giảng, nhưng là con cừu trong toà giải tội’. Vị giáo sư và vị thuyết giảng phải có lý tưởng cao, vì phải đẹp lòng các đấng hữu trách, và phải nỗ lực giáo dục tín hữu thật tốt. Ngược lại, vị ngồi trong tòa giải tội phải sẵn sàng đón tiếp tín hữu đến đó với tất cả sự yếu đuối tự nhiên của họ. Ngài phải là người quy tụ các thương binh và tử sĩ sau một cuộc chiến đấu tưởng rằng sẽ chiến thắng oai hùng. Lý tưởng và thực tế là hai hoàn cảnh có vẻ mâu thuẫn, nhưng chúng diễn tả hai chức năng hỗ tương của sứ vụ phụng sự đoàn chiên Dân Chúa.

Nhưng cũng có những kẻ ngồi bàn giấy, mang tính thư lại, hay bày vẽ và viết lách ra những văn thư, sách giáo khoa luân lý. Những kẻ ấy tạo nên phe đảng và hình thành bộ máy quyền hành. Trong mỗi luận án nói trên của An-phong, ngài đặt chúng ta qua sự phản tỉnh tiêm tiến của ngài. Ngài tiếp tục viết thế này:

Sau đó, tôi còn khám phá ra rằng, giáo điều hà khắc chỉ có rất ít thầy giáo và thành viên ủng hộ. Hơn nữa, tất cả bọn họ chỉ chăm chú với lý luận hơn là với mục vụ tòa giải tội.

Đó là những thành viên trong hội đồng cai quản và trong ban giảng huấn, những nhà thần học luân lý từ chương, đóng kín trong tháp ngà, những học giả và viên chức rất xa cách với mục vụ hằng ngày cho đời sống của những người nghèo hèn. Dĩ nhiên, họ là những linh mục trách nhiệm, nhưng họ nghiêng về lý tưởng hơn là thực tiễn. Họ ăn náu đằng sau các nguyên tắc thay vì hoà đồng với dân chúng. Và họ có quyền lực trong tay. Trong thế giới Kitô giáo, nơi không ai vượt thoát khỏi quyền bính thiêng liêng của họ, họ dễ dàng trở nên cực đoan với uy quyền và luật pháp Thiên Chúa. Phải chăng Chúa đã yêu cầu họ như yêu cầu Gioan Tiền hô để “chuẩn bị một giống dân trọn hảo”?³ Những vị như Vinh-sơn đệ Phaolô, hay Abelly, đã dâng hiến đời mình cho việc thừa sai đại chúng, là những con người đã sống với dân dã như chính Chúa Giêsu trong Phúc âm. Khi một linh mục đã tiếp cận thường xuyên với cuộc sống và nhân loại tội lỗi, thì tự nhiên người ấy phải vất bỏ chủ nghĩa hà khắc, hoặc không, phải giã từ sứ vụ của mình.

Torni đã không bỏ điều gì kể trên. Là một bánh quay lớn trong guồng máy quan chức, và là vị bề trên thừa sai, ông có vẻ như đã ‘chia đôi’ chính mình khi

³ Luca 1:17.

ông giảng dạy tư tưởng Genet trong chủng viện, nhưng lại bỏ qua Genet trong các kỳ thừa sai. Trong khi sách Genet được áp dụng tại chủng viện, Torni chọn lựa bước theo Chúa Giêsu Kitô trên các nẻo đường thừa sai. Ai muốn chiêm biếm hoàn cảnh, trong đó Giáo hội và sự cứu rỗi của nhân loại bị mang ra thâu cày lẫn nhau, thì chỉ cần nhớ lại nhân vật Jacques trong vở tuồng *Miser* của Molière. Trong vở tuồng này, Jacques vừa là một quản gia vừa là đầu bếp. Anh ta phải lần lượt thay đổi y phục quản gia hay khăn yếm nhà bếp, tùy theo Harpagon gọi người này hay người kia. Dĩ nhiên, bỏ qua khía cạnh mỉa mai, ta thấy giáo sư Torni là một linh mục bị giằng kéo bởi hai vai trò. Nhưng ông khá giỏi để một đảng thỏa mãn hàng giám mục, đảng khác, cũng thấu phục được sự tin tưởng và ngưỡng phục nơi các môn sinh của mình.

Bộ mặt đôi của Torni, mà An-phong quan sát với sự kinh ngạc nhiên lẫn thoải mái, cứ thay qua đổi lại giữa một bên là các giám mục và chính sách chung của giáo triều Rôma, và bên kia là ‘kế hoạch mục vụ’ của những ‘con người rất khôn ngoan’. Điều đó đã tạo ra sự phân hóa đáng buồn trong đạo Công giáo, giống như tình trạng chúng ta khá quen thuộc ngày nay.

An-phong đã không buông xuôi cho hoàn cảnh. Được đào luyện với tinh thần Descartes để coi trọng quyền hạn các giáo sư theo giá trị lý luận của họ, ngài di chuyển từ lý thuyết trường lớp qua hiện thực đời sống. Nắm trên tay sách giáo khoa luân lý là một chuyện, nhưng cầm chén Máu Cứu Chuộc để cất giữ hay ban phát cho những người tội lỗi mà Chúa Kitô đã chết cho vì yêu thương lại là chuyện khác. Liên quan đến tầm quan trọng của việc suy lý theo nó, khi dựa vào chủ nghĩa đại-xác-xuất mà nói với người anh em rằng : “Không cần biết phải trả giá nào, người phải làm điều này và tránh điều kia, nếu không thì sẽ bị cấm lãnh các bí tích và kết án đời đời”, ta cảm thấy khó xác tín mà làm thế trong thực tế hơn là trong lý thuyết. An-phong thường khẳng định : “Thật là sai lầm trầm trọng khi tuyên bố ‘Người đã bị kết án. Ta không thể xá giải cho người!’ Đừng quên rằng hồi nhân ấy đã được cứu chuộc bằng chính Máu đào của Chúa Kitô!”⁴

Dẫu sao, con người hay bối rối như An-phong⁵ cũng không dễ thay đổi từ lập trường hà khắc đến lập trường khoan dung như thay giầy đôi mũ. Điều này càng hiển nhiên hơn khi chính quan chức Giáo hội (Torni) đặt để Genet cho ngài, và ngài đã hấp thụ giáo thuyết ấy trong một thời gian dài đằng. Bị giằng co giữa

⁴ A. TANNIOIA, I, tr. 139.

⁵ Tham khảo T. REY-MERMET, *An-phong đệ Ligôria: Nhiệt thành phụng sự những người tât bại nhất*, tr. 194-198.

Luân lý Grenoble và Phúc âm của Chúa Kitô, An-phong sẽ kinh qua một cuộc vật lộn lâu dài với sự bối rối nội tâm, trong đó, ngài chỉ còn biết cậy dựa vào “những bậc khôn ngoan” để được mở mắt chỉ đường mà thôi.

Đến đây, cuốn *Sổ Ghi niệm về Lương tâm* của An-phong đệ Ligôria bắt đầu soi sáng cho chúng ta thấy về chuyển biến nội tâm của ngài như một nhà thần học luân lý. Khởi sự vào năm 1726, An-phong thường mang trong túi áo một cuốn sổ tay nhỏ khoảng 13 x 6 cen-ti-mét để ghi chú và tự nhắc nhở mọi chuyện. Khi muốn ghi niệm điều gì, ngài mở một trang trong sổ ấy, và viết li ti vài đoạn hay vài câu ngắn gọn, các tên, các con số, hoặc những cụm từ dở dang, khó hiểu. Trên cùng một trang ta có thể đọc được những dòng bút tích cách nhau năm hay sáu năm. Khoảng 75 con số ngày tháng được ghi nhận trong khoảng từ năm 1726 đến 1743 rải rác đó đây trong cả cuốn sổ cũng không giúp ta xác định thời điểm chính xác của các ghi niệm rời rạc này. Chỉ có cách là nghiên cứu nội dung của những tạp ghi ấy, loại mực dùng, hay tuồng chữ khác nhau mới giúp ta giả thuyết phần nào thứ tự thời gian. Nhiều đoạn được đã hoàn tất, hay sẽ được ngài sửa lại sau này.

Nội dung của cuốn sổ trên là gì? Nó bao gồm những việc kế toán, dàn bài giảng, vài câu thơ, danh mục tên tuổi, công thức phụng vụ, năng quyền Đức giám mục ban, tóm lược bản luật Dòng Chúa Cứu Thế, và thậm chí một công thức được thảo (*balsamo simpatico*). Nhưng trên hết, đó là những chuyện liên quan đến lương tâm, như chính tựa đề mà ngài viết từ trang đầu của cuốn sổ tay tâm linh này : *Những chuyện Lương tâm*. Những chuyện này là những vấn đề và quyết định cá nhân ngài lãnh hội từ cha linh hướng, những điều quyết tâm, những lời cầu nguyện, những cuộc trao đổi về các nổ lương tâm, cùng những hướng dẫn mục vụ. Đôi khi, khó nói được rằng một đoạn tự bút nào trong cuốn sổ tay đó nói về chính ngài, hay là ý kiến của một nhà luân lý đối với hối nhân. Có vài đoạn được gạch dưới hay viết bằng chữ in. Còn các đoạn khác thì rất khó hiểu, và sẽ luôn là điều ‘bí nhiệm’ đối với chúng ta. Vì thế, việc dự tính xuất bản cuốn sổ tay riêng này, cần thiết để hiểu rõ về cha An-phong đệ Ligôria, có thể không bao giờ thực hiện được, và sẽ không làm sáng tỏ hơn những gì chúng ta đã biết rồi.⁶

Chúng ta sẽ trở lại với thư liệu quan trọng này sau. Bây giờ, chúng ta hãy xem vài câu trong cuốn sổ này để thấy sự trăn trở của An-phong:

⁶ Cuốn sổ tay này được lưu trữ trong Văn khố Trung ương của DCCT tại Rôma (AGR), ở phần mục S.A.M. VI 10. Cuốn sổ tay thứ 2 mà chúng ta sẽ nói đến trong đoạn sau, tiếp nối cuốn này trong những năm 1750.

Pagano, cùng với Torni và Burr (?) (đã nói với tôi) : các cha giải tội hãy tự do ứng xử, mỗi khi ngài không thấy bằng chứng phản ngược.

Và Torni: nguyên tắc chính thức để ban ơn xá giải, hãy tự do làm những gì bộc phát trong ý tưởng...Pagano đã xác định, trong trường hợp do dự, phải làm điều gì tôi mong muốn, trừ phi rõ ràng là điều ấy sai lầm...rồi, thậm chí nếu rất lo sợ (sai lầm), hành xử như thế không phải là tội, nhưng là một răn huấn hữu ích để đắc thủ sự tự do thiết yếu cho cha giải tội (vì các linh hồn), miễn sao phải luôn hiểu rằng ta không muốn xúc phạm đến Chúa qua đó.

Mệnh lệnh (rằng) không bao giờ tham khảo (sau khi đã có những sự kiện) về việc đã xảy ra. Torni. Chỉ xin tư vấn về những trường hợp quan trọng, bị nghi ngờ với mọi tình huống phức tạp. Nhưng khi, về phía mình, ta có một vài xác xuất đúng thì cứ hành xử cách tự do.

Ghi chú: Xác nhận vào tháng 5-1728. (trang 17).

Không hỏi han điều gì, trừ khi ta có lý do tin rằng hỏi nhân không xung thú mọi tội. Trừ khi điều này xảy ra, thường thì không tra vấn gì cả. (trang 19).

Pagano ...trả lời tôi rằng tôi nên chọn ý kiến có xác xuất đúng, ưu tiên trên ý kiến có xác xuất đúng hơn. (trang 26).

Cha Cesare (Sportelli), mà đức vâng lời đã dành cho tôi như cha linh hướng, yêu cầu tôi hành xử cách khác, như là một nổ lương tâm: (1) chọn ý kiến có xác xuất đúng, khi có một ý kiến có xác xuất đúng hơn; (2) không được băn khoăn tự hỏi các cha linh hướng của tôi có theo xác-xuất-cách hay không (khi họ khuyến nhủ tôi), nhưng chỉ đơn thuần vâng lời họ. (trang 39).

Phải nhắc nhở lại rằng, ta có thể chọn ý kiến có xác xuất đúng, vì nó có xác xuất đúng hơn không chỉ do thế giá (của những nhà luân lý phò nó), mà còn do những lý do

sau: luật lệ đối kháng không được hiểu biết đủ, và gánh nặng của các luật lệ ấy thì bất kham. Torni. Car. (?). Burr (?). (trang 43).

Như ta thấy, Pagano, Torni, và Sportelli, rồi có thể Iorio, Fiorillo, Mazzini, và nhiều nhân vật bí danh khác (Car., Burr.), tất cả hình thành một thứ mạng lưới thân hữu để cổ võ và trấn an An-phong về lập trường xác-xuất. Điều này, với một mức độ cường điệu hoá nhất định nhằm giúp ngài vượt qua sự dè dặt cố hữu và đáng thương của ngài. Tất cả những người cha thiêng liêng này sẽ cố vấn và chỉ dẫn ngài nhiều năm trời. Vì đối ứng với lập trường của chính mình, ngài sẽ tham vấn với nhiều người, và cầu nguyện rất nhiều trước khi thực hiện những quyết định quan trọng. Nhưng Pagano, cha linh hồn của ngài vẫn thường nói ngài rằng : “*Khi trách nhiệm của anh không rõ ràng, bổn phận của anh là hãy làm điều mà anh cảm thấy đúng*” (Những chuyện Lương tâm, các trang 20, 28b, 41, 51).

Người mang đầu óc Decartes của chúng ta là An-phong sắp từ bỏ lý trí để nhảy vào vực sâu chỉ với cái dù của đức vâng phục chăng? Đúng và không đúng. Không đúng khi có chuyện liên quan đến việc hướng dẫn người khác, như chúng ta sẽ thấy ngài biểu tỏ rõ ràng. Đúng khi ngài xử sự với mình, vì rằng ai cũng mù quáng như Phaolô trên đường Damas cho đến khi mắt ông được chữa lành bởi sứ giả của Chúa Phục sinh là Anania.⁷ Các trang 43 và 45 trong sổ tay *Những Chuyện Lương tâm* suy luận đúng theo phương pháp: vâng phục cha linh hồn như đại diện của Thiên Chúa. An-phong kêu cầu thẩm quyền của thánh Bênêđictô, thánh Bênêđô, và hai lần thánh Têrêsa Avila, người mẹ thứ hai của ngài sau Đức Maria. Rồi ngài kết luận:

Pagano, 1-1-1720 – Vượt lên (mọi nghi ngờ) và thi hành những gì không hẳn là xấu xa cách liên tục, không bàn cãi hay viện dẫn lý lẽ; không bối rối về điều ấy, nhưng hành động với sự vâng phục như thể đó là lý do duy nhất. Khi chớm ngại ngừng, cứ thẳng tiến không ngừng. “Ai nghe lời chúng con là nghe lời Ta”.⁸ “Hãy đi tìm Anania”. Như vậy, Thiên Chúa muốn làm cho chúng ta khiêm tốn. Mọi (nhà thần học) đều đồng ý, ngay cả nếu (thái độ mà đức vâng lời

⁷ Sách CVTĐ 9:8-19.

⁸ Luca 10:16.

chỉ định) có vẻ sai trái đối với mình. Nếu làm ngược lại, mình dần bước vào sự bối rối. Cũng giống khi mình muốn say sưa, với nguy cơ hủy bỏ giác quan và làm cho mình ra vô dụng, v.v.

Nếu mình không muốn rơi vào sự bối rối, hãy nghe lời cha giải tội nói rằng ‘nó là thế’ khi điều đối ngược không có gì là chắc chắn. Đó chẳng phải là điều Thánh vịnh đã nói,⁹ và chính mình cũng bảo ban người khác sao?

Trên đây là lý do tại sao, sau khi đọc Genet, những ‘vị khôn ngoan’ chứ không phải là Genet, trở nên thầy dạy của An-phong về lập trường xác-xuất-cách. Nhưng đây là chủ nghĩa xác-xuất dựa trên sự ép buộc mà không phải do thỏa thuận của nội tâm ngài.

(Còn tiếp)

⁹ Tham khảo đặc biệt ở Tv 119.